

Bản án số: 54/2022/DS-ST
Ngày 18-5-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thành Thật.

Ông Võ Thanh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu T – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 117/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (Ngân hàng).

Địa chỉ: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP S là ông Huỳnh Hùng Khang, sinh năm 1979, chức vụ - Phó Phòng cá nhân, theo Giấy ủy quyền ngày 07/07/2021 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 333 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, thành phố L, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: 389A/20, khóm Bình Thới 3, phường BK, thành phố L, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên lạc: 127 Trần Hưng Đạo, khóm Bình Long 2, phường MB, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lần hòa giải ông Huỳnh Hùng Khang đại diện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 29/6/2016, ông Trần Văn T có ký với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh An Giang hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1618100435, để vay số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, với mục đích vay tiêu dùng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T thanh toán được số tiền vốn 34.349.000 đồng và số tiền lãi 3.684.625 đồng. Từ ngày 07/7/2017, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn vào 08/7/2017. Tính đến ngày 17/5/2022 ông T còn nợ Ngân hàng số tiền vốn 25.651.000 đồng, lãi 22.326.380 đồng, tổng cộng vốn, lãi là 47.977.380 đồng.

Vay không có tài sản thế chấp.

Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn T phải trả toàn bộ số tiền nêu trên và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 18/5/2022 cho đến khi trả xong nợ.

* Bị đơn ông Trần Văn T vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vắng mặt họ là phù hợp với khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Ngày 29/6/2016 ông T có ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1618100435, để vay số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, với mục đích vay tiêu dùng, tính đến ngày 17/5/2022 ông T còn nợ Ngân hàng số tiền vốn 25.651.000 đồng, lãi 22.326.380 đồng, tổng cộng vốn, lãi là 47.977.380 đồng. Bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Xét, hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên là trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự. Ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên Ngân hàng yêu cầu trả toàn bộ vốn, lãi và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm

dân số LD1618100435 ngày 29/6/2016 (bản sao); Giấy nhận nợ ngày 29/6/2016 (bản photo); Giấy đề nghị kiêm phương án vay ngày 24/6/2016 (bản photo); Phiếu yêu cầu xác minh ngày 26/02/2021 (bản photo); Sổ hộ khẩu gia đình và giấy chứng minh nhân dân mang tên ông Trần Văn T (bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về hợp đồng dân sự – hợp đồng tín dụng; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn thành phố L, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tổng đạt thông báo thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác đúng quy định mà bị đơn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 29/6/2016 ông T có ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1618100435, để vay số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, với mục đích vay tiêu dùng. Từ khi vay đến nay ông T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, tính đến ngày 17/5/2022 ông T còn nợ Ngân hàng vốn 25.651.000 đồng, lãi 22.326.380 đồng, tổng cộng vốn, lãi là 47.977.380 đồng, nên Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn vào ngày 08/7/2017. Nay Ngân hàng yêu cầu ông T phải trả toàn bộ số tiền vốn, lãi và tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền vốn gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 18/5/2022 cho đến khi trả xong khoản nợ.

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa ông T với Ngân hàng TMCP S ngày 29/6/2016, Hội đồng xét xử nhận định:

Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý có ghi rõ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các chứng cứ kèm theo gồm: Hợp đồng tín dụng cho bị đơn, nhưng bị đơn không có ý kiến phản bác hay phản tố lại đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ của nguyên đơn cung cấp là thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Căn cứ tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, Tòa án chấp

nhận chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là chứng cứ để xem xét, giải quyết vụ án.

Xét, Hợp đồng tín dụng mà các bên ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, nội dung, hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 94 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời, quá trình thực hiện hợp đồng bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, bên cho vay có kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, nên được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

Do vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết làm phát sinh nợ quá hạn nên Ngân hàng yêu cầu thanh toán vốn, lãi và tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi trả xong toàn bộ vốn, lãi là có căn cứ phù hợp với quy định tại 280 của Bộ luật Dân sự 2015, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông Trần Văn T phải có nghĩa vụ trả toàn bộ vốn, lãi 47.977.380 đồng cho Ngân hàng TMCP S và ông T phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 18/5/2022 cho đến khi trả xong khoản nợ.

[3] Về án phí:

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bị buộc thanh toán (47.977.380 đồng) là 2.389.000 đồng.

Với yêu cầu được chấp nhận Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều, 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với ông Trần Văn T.

- Buộc ông Trần Văn T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S vốn 25.651.000 đồng, lãi 22.326.380 đồng, tổng cộng vốn, lãi tính đến ngày 17/5/2022 là 47.977.380 đồng (Bốn mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn, ba trăm tám mươi đồng).

- Ông Trần Văn T còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền gốc 25.651.000 đồng theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết kể từ ngày 18/5/2022 cho đến khi trả xong toàn bộ vốn, lãi.

2. Về án phí:

- Ông Trần Văn T phải chịu 2.389.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP S được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 1.090.000 đồng theo Biên lai thu số: 0000730 ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi